

## Phụ lục

# NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA QUY HOẠCH TỈNH AN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

## I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH AN GIANG

### 1. Quan điểm phát triển tỉnh

Tỉnh An Giang có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh nguồn nước, an ninh biên giới và đối ngoại của khu vực Tây Nam bộ cũng như của cả nước.

#### 1.1. Quan điểm về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh

- Phát triển An Giang trở thành tỉnh năng động, hiện đại, văn minh, sinh thái và bền vững, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia<sup>1</sup>; phù hợp với quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, bảo đảm phát triển bao trùm<sup>2</sup> và hướng tới thịnh vượng; phát triển vì con người, chú trọng gìn giữ và tôn tạo sự đa dạng văn hóa, các giá trị truyền thống, lịch sử; tôn trọng quy luật tự nhiên và bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên.

- Phát triển nhanh, mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chủ yếu dựa vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hướng đến tăng năng suất, giảm giá thành, tăng hiệu quả và tăng giá trị. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế tỉnh theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi mô hình sinh kế theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển nhanh các loại hình doanh nghiệp, các khu vực kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế hợp tác xã.

- Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên nước ngọt của vùng đất đầu nguồn, hạn chế các tác động xấu đến môi trường sinh thái; bảo đảm phục hồi và phát huy giá trị sinh thái cho thế hệ mai sau như: tăng diện tích dành cho rừng và bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên; phục hồi và tăng đa dạng sinh học; phục hồi đất; phát triển các giá trị cảnh quan đặc thù của từng tiểu vùng.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển các lĩnh vực xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

<sup>1</sup> Hệ thống quy hoạch quốc gia theo Luật Quy hoạch.

<sup>2</sup> Quan điểm phát triển bao trùm nhấn mạnh đến khía cạnh mọi người đều được tham gia quá trình phát triển và cùng được hưởng thụ thành quả của phát triển, không bỏ ai lại phía sau, không bỏ bên lề đối với một thành viên nào của xã hội.

- Đảm bảo bộ máy quản lý nhà nước thực sự năng động, thân thiện, kỷ luật, hiệu quả. Chính quyền địa phương giữ vai trò kiến tạo, then chốt trong việc thúc đẩy hợp tác địa phương, liên kết vùng và hội nhập quốc tế; tập trung ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quản lý tài nguyên, thu hút đầu tư, tăng cơ hội việc làm, giảm bất bình đẳng, cải thiện an sinh xã hội và chất lượng sống của cư dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; chủ động mở rộng các quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế để tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác phát triển kinh tế - xã hội.

### 1.2. Quan điểm về tổ chức, sắp xếp không gian phát triển kinh tế - xã hội

- Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển đảm bảo phát huy vị thế chiến lược của tỉnh và tầm quan trọng của liên kết với vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng thành phố Hồ Chí Minh và vùng thủ đô Phnôm Pênh (Campuchia); đảm bảo tính có thể mở rộng, có thể liên kết của các không gian phát triển mới trong tổng thể mối quan hệ liên ngành, liên vùng. Ưu tiên phát triển các hành lang kinh tế, khu vực trọng điểm, cực tăng trưởng để tạo động lực phát triển.

- Phân bố không gian các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính bình đẳng về cơ hội phát triển, tiếp cận của người dân; đồng thời, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế tự nhiên, văn hóa... của các tiểu vùng, các địa phương, tạo dựng nền tảng phát triển bền vững cho tỉnh.

### 1.3. Quan điểm về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- Ưu tiên phát triển nhanh hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu chức năng như khu kinh tế cửa khẩu, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, hạ tầng đô thị ..., hạ tầng phục vụ chuyển đổi số phù hợp với định hướng tổ chức và khai thác lãnh thổ, tạo ra các không gian phát triển mới với tầm nhìn dài hạn. Tập trung đầu tư phát triển đồng bộ tại các khu vực động lực, hành lang kinh tế, những điểm đầu mối (hub) cấp vùng, xuyên biên giới, tạo động lực phát triển đột phá ở những địa bàn có tiềm năng, lợi thế; đồng thời, từng bước mở rộng hạ tầng kết nối giữa các khu vực, bảo đảm sự phát triển hài hòa, cân đối giữa các tiểu vùng trên địa bàn tỉnh.

- Sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư từ ngân sách địa phương, kết hợp với ngân sách Trung ương để tập trung đầu tư tạo sự kết nối giữa hạ tầng nội tỉnh với hạ tầng của quốc gia và của vùng. Huy động nguồn lực doanh nghiệp và dân cư tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## 2. Mục tiêu phát triển tỉnh đến năm 2030

### 2.1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, An Giang là tỉnh phát triển khá trong vùng đồng bằng sông Cửu Long; kinh tế phát triển năng động, hài hòa và bền vững trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển vững chắc hệ sinh thái công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm và một số ngành công nghiệp chế

tác<sup>3</sup>, là trung tâm sản xuất nông nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao, trung tâm nghiên cứu và phát triển giống nông nghiệp, giống thủy sản và dược liệu, là đầu mối giao thương, hợp tác quốc tế với Campuchia và các nước khu vực ASEAN, là trung tâm du lịch tâm linh và du lịch sinh thái của vùng; không gian kinh tế - xã hội được bố trí hợp lý, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu và kết nối hiệu quả với các địa phương trong vùng; đời sống mọi mặt của Nhân dân được nâng cao; an sinh xã hội được bảo đảm; các giá trị văn hóa truyền thống, tốt đẹp của đồng bào các dân tộc được gìn giữ, bảo tồn và phát huy; môi trường sinh thái được cải thiện; tiềm lực quốc phòng được củng cố, ngày càng vững chắc; chính trị, an ninh trật tự được ổn định.

## 2.2. Mục tiêu cụ thể

### a) Mục tiêu phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt 7%/năm.
- Đến năm 2030, cơ cấu GRDP: khu vực nông lâm thủy sản chiếm 20%, công nghiệp - xây dựng chiếm 25%, dịch vụ chiếm 50%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5%.
- Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 157,5 triệu đồng (khoảng 6.000 USD).
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 10 năm 2021 - 2030 là 653 ngàn tỷ đồng.
- Thu ngân sách trên địa bàn 05 năm 2021 - 2025 đạt 41.300 tỷ đồng; 05 năm 2026 - 2030 đạt 63.000 tỷ đồng.
- Tổng thu từ hoạt động du lịch đạt 10.000 tỷ đồng vào năm 2030.
- Đến năm 2030, kinh tế số đạt trên 20% GRDP của tỉnh.

### b) Mục tiêu phát triển xã hội

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50% vào năm 2030.
- Hoàn thành cơ bản mục tiêu xây dựng nông thôn mới vào năm 2030.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân dưới 0,9%/năm thời kỳ 2021 - 2030. Dân số trung bình năm 2030 là 1.945 ngàn người.
- Đến năm 2030, tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia là 70%.
- Đến năm 2030 đạt 30,5 giường bệnh và 11 bác sĩ trên 10.000 dân.
- Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó: tỷ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 39%.
- Đến năm 2030, giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1%/năm; cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn.

<sup>3</sup> Đó là các ngành công nghiệp chế tác phù hợp với trình độ nhân lực của tỉnh, đồng thời, có thể giải quyết nhu cầu việc làm, ổn định xã hội trong quá trình chuyển đổi, hội nhập quốc tế của tỉnh (chuyển đổi từ mô hình tăng trưởng dựa vào chiều rộng sang chiều sâu; chuyển đổi từ nông nghiệp, nông thôn sang phi nông nghiệp, đô thị...).

### c) Mục tiêu về bảo vệ môi trường

- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng<sup>4</sup> từ 2,78% - 3,10% thời kỳ 2021 - 2030.
- Đến năm 2030, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt tại đô thị đạt 100%, tại nông thôn đạt trên 80%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn nguy hại đạt 100%.
- Đến năm 2030, 100% số khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

### d) Mục tiêu về quốc phòng - an ninh

- Chủ động nắm chắc tình hình, không bị động, bất ngờ; đảm bảo xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.
- Đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của Nhân dân.

### đ) Mục tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, xã hội đồng bộ, từng bước hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.
- Phát triển hệ thống kết cấu giao thông vận tải đa phương thức kết nối liên tỉnh và quốc tế, trong đó chú trọng phát huy thế mạnh của tỉnh về giao thông thủy nội địa.
- Phát triển hạ tầng năng lượng, năng lượng tái tạo đảm bảo chủ động cân đối năng lượng cho nhu cầu phát triển của tỉnh.
- Hạ tầng thủy lợi được xây dựng đồng bộ phù hợp với chuyển đổi sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời đảm bảo chủ động kiểm soát lũ, ứng phó với lũ cực đoan, phòng, chống sạt lở.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, bảo đảm cấp nước an toàn; từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý, sản xuất và kinh doanh nước sạch. Đến năm 2025, tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 95%; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 100%. Đến năm 2030, tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 98%; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 100%.

## 3. Các nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá phát triển

### 3.1. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Chuyển đổi nhanh sang mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững.
- Cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại tỉnh.
- Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ, bảo đảm tính kết nối, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông và các khu chức năng kinh tế, xã hội quan trọng.
- Phát huy các giá trị truyền thống, văn hóa, con người An Giang.

<sup>4</sup> Không bao gồm diện tích trồng cây phân tán trên địa bàn.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện tăng trưởng xanh, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

### 3.2. Các khâu đột phá

- Cải cách mạnh mẽ nền hành chính, xây dựng chính quyền số, thể hiện cam kết nhất quán của các cấp lãnh đạo trong điều hành, triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Quy hoạch tỉnh.

- Thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hành lang kinh tế dọc theo tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng; hệ thống giao thông kết nối đến các đô thị động lực, khu kinh tế cửa khẩu An Giang, các khu, cụm công nghiệp, các trung tâm đầu mối và các vùng nguyên liệu nông thủy sản.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng số, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế số, xã hội số và thu hút đầu tư phát triển trọng điểm một số cơ sở đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### 4. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, An Giang là tỉnh phát triển toàn diện, hiện đại, văn minh, sinh thái, bền vững và mang bản sắc văn hóa sông nước của vùng đất đầu nguồn sông Cửu Long; có trình độ phát triển khá so với cả nước; chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao; là điểm đến hấp dẫn cho người dân và du khách từ mọi miền đất nước; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và đặc biệt là kết nối thông suốt với khu vực, trong nước và quốc tế; là thủ phủ của ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm tinh của cả nước; là đích đến của các nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, chế biến thực phẩm lớn của thế giới; là đầu mối giao thương hàng hóa, dịch vụ của vùng với thị trường Campuchia và các nước khu vực ASEAN; là địa phương gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống lịch sử, đa dạng sinh học, đồng thời là phát triển bền vững mô hình kết hợp giữa du lịch tâm linh, du lịch sinh thái với thương mại hàng hóa, dịch vụ đặc trưng của địa phương. Quốc phòng và an ninh được tăng cường, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

## II. PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

### 1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

#### 1.1. Ngành nông nghiệp

- Đổi mới tư duy từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang phát triển kinh tế nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Sản xuất nông nghiệp, thủy sản quy mô hàng hóa lớn, chất lượng cao, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển công nghiệp chế biến tinh lương thực - thực phẩm, gắn kết với hoạt động thương mại, dịch vụ logistics, du lịch.

- Phát triển 03 nhóm ngành hàng chủ lực: lúa gạo; cá tra; rau màu, cây ăn trái và 02 nhóm ngành hàng tiềm năng: chăn nuôi bò và nấm ăn - nấm dược liệu.

- Là một trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng nguyên liệu thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo, kết nối với các trung tâm đầu mối nông nghiệp, thủy sản khác của vùng.

- Bố trí không gian sản xuất nông nghiệp gắn với từng vùng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát huy tính liên kết theo cụm ngành.

- Thúc đẩy tập trung, tích tụ đất đai để hình thành các vùng sản xuất, vùng nguyên liệu quy mô lớn, đặc biệt là hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

## 1.2. Ngành công nghiệp

- Tập trung phát triển vững chắc hệ sinh thái công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm. Trước mắt là cơ cấu lại khu vực công nghiệp chế biến theo hướng đổi mới, nâng cấp công nghệ cho các sản phẩm đang có lợi thế so sánh, nhất là sản phẩm từ gạo, cá tra, để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi lên phân khúc sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn. Xây dựng các cụm liên kết công nghiệp chuyên ngành chế biến lương thực - thực phẩm, thúc đẩy tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Tiếp tục thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp thâm dụng lao động, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp năng lượng tái tạo để tạo việc làm trong ngắn, trung hạn và đáp ứng nhu cầu huy động ngân sách.

- Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng bền vững, thân thiện môi trường.

- Nâng cao tính tập trung, mật độ của các khu, cụm công nghiệp trên cơ sở gắn kết với khu vực đô thị và phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kết nối liên vùng.

## 1.3. Ngành dịch vụ

### a) Về thương mại

- Phát triển thương mại hiện đại, văn minh, tăng trưởng nhanh và bền vững, là bệ đỡ, điểm tựa vững chắc cho các ngành sản xuất; xây dựng thương hiệu hàng hóa, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh tại tỉnh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về phát triển kinh tế - xã hội.

- Gắn kết hoạt động thương mại với các hoạt động sản xuất, tiêu thụ. Liên kết, hợp tác với các địa phương trong vùng để phát triển các hoạt động thương mại biên giới, xuất nhập khẩu, nhằm phát huy vai trò trung tâm đầu mối giao thương hàng hóa của vùng với thị trường Campuchia và các nước khu vực ASEAN.

- Xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng thương mại đồng bộ từ mạng lưới chợ dân sinh, chợ đầu mối, hệ thống kho chứa, kho cung ứng, trung tâm hội chợ, triển lãm, trung tâm đầu mối về nông nghiệp, thủy sản nước ngọt<sup>5</sup>.

- Thực hiện cơ cấu lại lĩnh vực thương mại theo hướng đổi mới sáng tạo và

<sup>5</sup> Theo Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh; phát triển thương mại điện tử trở thành hình thức thương mại quan trọng; tăng cường kết nối, tham gia chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị trong nước và khu vực. Phát triển đa dạng phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh thương mại; tổ chức và vận hành hiệu quả các hệ thống cung ứng, phân phối các nhóm hàng hóa chủ yếu trên thị trường.

#### b) Về du lịch

- Xây dựng An Giang trở thành trung tâm du lịch tâm linh, du lịch sinh thái của vùng, gắn với phát triển văn hóa; đưa ngành du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ tại các khu, điểm du lịch, các tuyến du lịch; đẩy mạnh liên kết, hợp tác hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất của ngành du lịch. Thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành du lịch; phát triển du lịch thông minh; quản lý du khách và tài nguyên du lịch.

#### c) Về dịch vụ

- Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội và hoạt động sản xuất, kinh doanh cho doanh nghiệp.

- Tập trung phát triển các ngành dịch vụ trung gian hỗ trợ sản xuất kinh doanh, dịch vụ giá trị gia tăng cao để tạo thuận lợi thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics để tạo điều kiện phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và xuất nhập khẩu; phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ cho các khu, cụm công nghiệp.

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, nhất là trong các lĩnh vực như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, vận tải, logistics, thương mại, du lịch.

- Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ vui chơi, giải trí, mua sắm, văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông tại các đô thị trung tâm.

### 2. Phương hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu

#### 2.1. Giáo dục và đào tạo

- Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; coi giáo dục phổ thông là nền tảng, đào tạo nhân lực chất lượng cao là khâu đột phá.

- Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới, quy mô, cũng như đảm bảo bố trí đủ diện tích đất cho các cơ sở giáo dục; đẩy nhanh công tác phổ cập giáo dục ở tất cả các cấp; xây dựng công tác phân luồng, hướng nghiệp hiệu quả.

- Phát triển quy mô các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, đảm bảo đào tạo nghề gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục đủ số lượng, đạt chất lượng; đảm bảo trình độ chuyên môn,

kỹ năng nghề nghiệp, lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức.

- Huy động mọi nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập và đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục.

## 2.2. Y tế, chăm sóc sức khỏe

- Phát triển hệ thống y tế của tỉnh theo hướng hiện đại và bền vững. Đảm bảo tính hệ thống, liên tục trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến và giữa các tuyến. Quan tâm phát triển tuyến y tế cơ sở, nhất là tăng cường năng lực công tác y tế dự phòng và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ở tuyến huyện.

- Phát triển hệ thống y tế theo hướng tăng cường xã hội hóa, trong đó y tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, song song với phát triển y tế tư nhân; y tế dự phòng chủ động; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; kết hợp y tế phổ cập với y tế chuyên sâu, y học hiện đại với y học cổ truyền.

- Phát triển đội ngũ cán bộ y tế đủ số lượng, đảm bảo chất lượng năng lực, đúng cơ cấu và đạt chuẩn về y đức.

- Đầu tư các trang thiết bị y tế hiện đại cho các cơ sở y tế công lập từ tỉnh đến cơ sở, nhằm nâng cao chất lượng phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng để đáp ứng nhu cầu của người dân.

## 2.3. Văn hóa, thể dục thể thao

- Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn.

- Phát triển văn hóa, gia đình đảm bảo giữ gìn bản sắc văn hóa, con người An Giang; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững.

- Phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao trong quần chúng. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa phát triển thể dục thể thao.

## 2.4. An sinh xã hội

- Thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách trợ giúp về hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, đào tạo nghề, tạo việc làm.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tính tự lực của các hộ nghèo để vươn lên thoát nghèo, khá giả.

## 2.5. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát triển đồng bộ, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ; hình thành và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo tại tỉnh, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

- Tận dụng tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, tăng cường liên kết với các viện, trường, tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước. Tăng cường đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cùng với đào tạo, thu hút và trọng dụng nhân lực.



## 2.6. Quốc phòng, an ninh

Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm về phát triển kinh tế - xã hội và khu vực biên giới.

### 3. Tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực

#### 3.1. Các vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tập trung

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh bố trí lại các phân vùng sản xuất nông nghiệp, gồm: vùng chuyên canh sản xuất lúa, rau màu, cây ăn trái, vùng trồng cây dược liệu, khu chăn nuôi và vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên địa bàn tỉnh.

#### 3.2. Phân bố không gian phát triển công nghiệp

Phân bố các khu vực sản xuất công nghiệp tập trung nằm trong hành lang kinh tế hoặc có kết nối thuận lợi đến các tuyến cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, các trục quốc lộ, tuyến vận tải thủy quan trọng qua tỉnh.

#### 3.3. Phân bố không gian phát triển dịch vụ

##### a) Phân bố các trung tâm đầu mối thương mại, dịch vụ và logistics:

- Thành phố Long Xuyên: hình thành 01 trung tâm đầu mối nông nghiệp cấp vùng tại khu vực xung quanh cảng Mỹ Thới, gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo ở vùng sinh thái nước ngọt - là nơi cung cấp các dịch vụ về logistics, nghiên cứu phát triển, đào tạo và chuyển giao công nghệ, thu gom, chế biến sâu, ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp.

- Thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu, huyện Tịnh Biên<sup>6</sup>, huyện An Phú là đầu mối giao thương hàng hóa đến thị trường Campuchia và các nước trong khu vực. Trong đó, Châu Đốc là trung tâm phát triển dịch vụ đô thị tổng hợp, công nghiệp, thương mại, du lịch và biên mậu; Tân Châu là trung tâm thương mại - dịch vụ, đầu mối giao thông thủy bộ của khu vực qua biên giới Campuchia.

b) Phân bố các khu vực thương mại - dịch vụ, hạ tầng thương mại quan trọng khác nằm trong các hành lang kinh tế hoặc có kết nối thuận lợi đến các tuyến giao thông vận tải quan trọng qua tỉnh.

### 4. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

#### 4.1. Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia

- Phát triển hạ tầng giao thông quốc gia theo quy hoạch, gồm các tuyến: cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, quốc lộ (QL) 91, QL 91C, QL 91D, QL 80, QL 80B, QL 80C, QL N1, QL N2.

- Cảng biển An Giang thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

<sup>6</sup> Sẽ thành thị xã Tịnh Biên theo Nghị quyết 721/NQ-UBTVQH15 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã Tịnh Biên, các phường thuộc thị xã Tịnh Biên, thị trấn Đa Phước thuộc huyện An Phú và thị trấn Hội An thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (có hiệu lực từ ngày 10 tháng 4 năm 2023).

#### 4.2. Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

- Đầu tư chuyển cấp các tuyến đường tỉnh thành quốc lộ<sup>7</sup>; nâng cấp, kéo dài hướng tuyến và mở mới các tuyến đường tỉnh<sup>8</sup>; đầu tư các cầu trọng điểm<sup>9</sup> trên địa bàn tỉnh.

- Hình thành 02 tuyến vận tải thủy liên tỉnh trên địa bàn tỉnh, gồm: tuyến Hồ Chí Minh - An Giang - Kiên Lương; tuyến vận tải thủy kết nối với Campuchia (tuyến sông Mê Kông).

#### 5. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

- Phát triển nguồn điện, bao gồm nguồn năng lượng tái tạo, phù hợp với Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia, Quy hoạch phát triển điện lực thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng và nâng cấp mạng lưới điện đảm bảo năng lực cấp điện, từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của lưới điện truyền tải.

#### 6. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Hình thành mạng bưu chính công cộng kết nối Trung tâm bưu chính quốc gia - Trung tâm bưu chính vùng, rút ngắn tốc độ giao hàng liên tỉnh và quốc tế.

- Xây dựng kho dữ liệu tập trung, dùng chung, vừa cung cấp dữ liệu phục vụ công tác điều hành, quản lý và dự báo.

- Triển khai xây dựng “Khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang”, quy mô 5,9 ha, tại phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên.

- Phát triển các nền tảng chuyển đổi số, dữ liệu số, các ứng dụng, dịch vụ phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh. Ưu tiên thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực: du lịch, nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, giáo dục - đào tạo, y tế, tài nguyên - môi trường, giao thông vận tải và logistics...

- Thực hiện sắp xếp các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản, thông tin đối ngoại và thông tin cơ sở đảm bảo đúng quy hoạch, đúng định hướng hoạt động và mục tiêu đề ra theo quy hoạch của Trung ương.

#### 7. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

- Phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ đa mục tiêu cho trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Thực hiện kiểm soát lũ xuyên biên giới thông qua nạo vét kênh rạch, tăng khả năng thoát lũ. Đồng thời, thực hiện chức năng trữ nước, cấp nước, chia sẻ nguồn nước và chuyển đổi sinh kế bền vững ở các tiểu vùng sinh thái khác nhau.

<sup>7</sup> Chuyển cấp các tuyến thành quốc lộ: ĐT.955A thành QL.N1; ĐT.942, ĐT.952, ĐT.954: thành QL.80B; ĐT.941, ĐT.958: thành QL.N2; ĐT.945: thành QL.80C.

<sup>8</sup> Nâng cấp, kéo dài hướng tuyến và mở mới các tuyến đường tỉnh: ĐT.946, ĐT.947 (mới), ĐT.948, ĐT.949, ĐT.951, ĐT.959, ĐT.941B, Nhánh ĐT.950, ĐT.942 (mới), ĐT.943B, Nhánh ĐT.943B, ĐT.950, Nhánh ĐT.950, ĐT.954 (mới), ĐT.956...

<sup>9</sup> Các cầu: cầu An Hòa, cầu Tôn Đức Thắng, cầu Năng Gù, cầu Châu Đốc, cầu Phú Hữu (sông Hậu); cầu Mỹ Lương (nhánh cù lao Giêng, sông Tiền); cầu Thuận Giang (sông Vàm Nao); cầu Tân Châu (sông Tiền).

- Đảm bảo cấp nước chủ động cho sản xuất vụ Thu Đông, nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa và các mục tiêu khác trong sản xuất nông nghiệp.

## 8. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung và các nhà máy đốt chất thải rắn ở các địa phương; các trạm xử lý nước thải tập trung ở các đô thị. Xây dựng các trạm xử lý nước thải độc lập ở các khu, cụm công nghiệp.

## 9. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

### 9.1. Hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo: tiếp tục rà soát, sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. Mở rộng và phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở giáo dục vùng dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú phù hợp nhu cầu và điều kiện thực tế của tỉnh.

- Mở rộng không gian các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có và phát triển các cơ sở đào tạo nghề mới tại các khu vực động lực phát triển của tỉnh. Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập. Hình thành các trường cao đẳng đa ngành, đa lĩnh vực nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo nghề, góp phần hình thành đội ngũ lao động có kỹ năng, trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### 9.2. Hạ tầng y tế

Phát triển thành phố Long Xuyên trở thành một trong những trung tâm y tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Mở rộng quy mô giường bệnh của các bệnh viện tuyến tỉnh, các trung tâm y tế các huyện; xây dựng mới các bệnh viện tuyến tỉnh.

### 9.3. Hạ tầng văn hóa, thể thao

Xây dựng nhà hát tỉnh, sân vận động tỉnh; cải tạo, nâng cấp, mua sắm thiết bị cho các trung tâm văn hóa - thể thao huyện, thị, thành phố; phát triển thiết chế văn hóa, thể thao vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu vùng xa...

### 9.4. Hạ tầng an sinh xã hội

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây mới các trung tâm bảo trợ xã hội công lập đáp ứng nhu cầu tiếp nhận, chăm sóc nuôi dưỡng các đối tượng chính sách.

- Xây dựng mới các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập để chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội.

### 9.5. Hạ tầng thương mại

- Nâng hạng mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh gắn liền với các tiêu chí, tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới; tiêu chí, tiêu chuẩn nâng loại đô thị, thành lập mới đô thị.

- Phát triển mạng lưới siêu thị đảm bảo sự hài hòa giữa thương mại hiện đại (siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, cửa hàng tự chọn...) và truyền thống (chợ, cửa hàng...).

- Phát triển mạng lưới trung tâm thương mại phù hợp với lộ trình nâng cấp, nâng loại đô thị các thị trấn, trung tâm cụm xã, thị xã và thành phố.

#### 9.6. Mạng lưới tổ chức khoa học công nghệ công lập

Rà soát, sắp xếp, kiện toàn các tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng tăng quy mô, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các đơn vị.

### III. PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

#### 1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện

##### 1.1. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện

Vùng liên huyện thành phố Long Xuyên - huyện Châu Thành - huyện Thoại Sơn: là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh; là vùng kinh tế động lực của tỉnh, với lợi thế vượt trội về thương mại, dịch vụ, du lịch, chuyên giao công nghệ và trung tâm đầu mối cấp vùng.

Vùng liên huyện thị xã Tân Châu - huyện An Phú - huyện Phú Tân - huyện Chợ Mới: là vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản hàng hóa lớn của tỉnh; chức năng đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa với thị trường Campuchia (qua cửa khẩu Vĩnh Xương và Khánh Bình); giữ vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh.

Vùng liên huyện thành phố Châu Đốc - huyện Tịnh Biên - huyện Châu Phú - huyện Tri Tôn: là trung tâm du lịch cấp quốc gia, trung tâm kinh tế biên giới của tỉnh; chức năng đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa với thị trường Campuchia (qua cửa khẩu Tịnh Biên); giữ vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh.

##### 1.2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện

- Vùng thành phố Long Xuyên: là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật, thương mại, dịch vụ, du lịch của tỉnh; là trung tâm chuyên giao công nghệ về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là lúa gạo và thủy sản nước ngọt.

- Vùng thành phố Châu Đốc: là trung tâm đô thị, thương mại, dịch vụ; trung tâm du lịch có yếu tố tâm linh; trung tâm đặc biệt về văn hóa, xã hội cấp vùng; có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh vùng biên giới Tây Nam.

- Vùng thị xã Tân Châu: là trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch, sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo phía Bắc của tỉnh; chức năng đầu mối giao thương quốc tế của vùng qua cửa khẩu Vĩnh Xương, có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh vùng biên giới Tây Nam.

- Vùng huyện An Phú: là huyện sản xuất nông nghiệp chuyên canh lúa, cây ăn quả, nuôi trồng và chế biến thủy sản; phát triển kinh tế cửa khẩu; có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh vùng biên giới Tây Nam.

- Vùng huyện Tịnh Biên: là trung tâm đô thị cửa khẩu giao thương quốc tế, trung tâm du lịch, dịch vụ, sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo; chức năng đầu mối giao thương quốc tế của vùng qua cửa khẩu Tịnh Biên; có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh vùng biên giới Tây Nam.

- Vùng huyện Tri Tôn: là huyện sản xuất nông nghiệp gắn với vùng nguyên liệu lúa, vùng chuyên canh cây ăn quả, vùng chăn nuôi gia súc; phát triển du lịch sinh thái, du lịch có yếu tố tâm linh kết hợp với văn hóa truyền thống các dân tộc.

- Vùng huyện Châu Phú: là huyện sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp kết hợp phát triển du lịch gắn với phát triển thương mại, dịch vụ.

- Huyện Châu Thành: là huyện sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng huyện Thoại Sơn: là huyện sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo, sản xuất nông nghiệp chuyên canh; là trung tâm du lịch văn hóa, lịch sử, sinh thái của tỉnh.

- Vùng huyện Phú Tân: là huyện sản xuất chuyên canh lúa nếp, rau màu và nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa lớn của tỉnh.

- Vùng huyện Chợ Mới: là huyện sản xuất nông nghiệp chuyên canh rau màu, cây ăn trái; sản xuất công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, lương thực, thực phẩm. Phát triển nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, sông nước miệt vườn.

## 2. Phương án phát triển hệ thống đô thị

Đến năm 2030, toàn tỉnh có 27 đô thị, gồm: 01 đô thị loại I (thành phố Long Xuyên); 01 đô thị loại II (thành phố Châu Đốc); 02 đô thị loại III (thị xã Tân Châu phấn đấu trở thành thành phố, thị xã Tịnh Biên); 12 thị trấn là đô thị loại IV, gồm 08 đô thị hiện có (An Phú, Phú Mỹ, Cái Dầu, Tri Tôn, An Châu, Chợ Mới, Núi Sập, Phú Hòa) và 04 đô thị nâng cấp (Long Bình, Chợ Vàm, Ba Chúc, Óc Eo); 11 đô thị loại V, gồm 08 đô thị hiện có (Đa Phước, Vĩnh Thạnh Trung, Cô Tô, Vĩnh Bình, Cần Đăng, Mỹ Luông, Hội An, Hòa Lạc) và 03 đô thị thành lập mới (Mỹ Đức, Thạnh Mỹ Tây, Lương An Trà).

## 3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn

### 3.1. Tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

- Tổ chức, bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư nông thôn đảm bảo phát triển bền vững, định cư lâu dài, giảm thiểu những thiệt hại tiềm ẩn do thiên tai gây ra.

- Việc mở rộng, xây dựng mới các khu dân cư nông thôn cần đảm bảo đồng bộ các hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, có tính đến tiếp cận các dịch vụ xã hội giáo dục, y tế. Các khu vực làng nghề cần tổ chức theo hướng bảo tồn, kết hợp với phát triển du lịch.

### 3.2. Phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn

Phát triển hình thái không gian dân cư nông thôn theo đặc trưng của từng tiểu vùng. Các điểm dân cư hình thành theo tuyến bổ sung các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật và xã hội, nâng cao chất lượng sống của người dân; tạo cảnh quan sinh thái

có khả năng bảo vệ, điều tiết môi trường và các không gian sinh hoạt cộng đồng kết hợp sản xuất cho người dân.

#### 4. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn:

Sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững, cải thiện đời sống của Nhân dân; đảm bảo số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào dân tộc đi đôi với xóa bỏ phong tục, tập quán lạc hậu.

#### 5. Phương án phát triển các khu chức năng, cụm công nghiệp

##### 5.1. Khu kinh tế cửa khẩu An Giang

Nghiên cứu điều chỉnh phạm vi, quy mô, tính chất của khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang nhằm phù hợp với định hướng phát triển của vùng, của tỉnh. Đặc biệt điều chỉnh không gian phát triển, đề xuất các khu chức năng mới trong khu kinh tế cửa khẩu để kết nối và phát huy hiệu quả tuyến hành lang kinh tế biên giới với Campuchia, cũng như tuyến hành lang kinh tế dọc cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng.

##### 5.2. Khu công nghiệp

- Phát triển 05 khu công nghiệp đã có trong quy hoạch, gồm: khu công nghiệp Bình Long, khu công nghiệp Bình Hòa, khu công nghiệp Vàm Cống, khu công nghiệp Hội An và khu công nghiệp Xuân Tô.

- Giai đoạn 2026 - 2030, thành lập mới khu công nghiệp Định Thành, huyện Thoại Sơn, quy mô diện tích 155 ha. Sau năm 2030, mở rộng diện tích lên 300 ha.

##### 5.3. Cụm công nghiệp

Giữ nguyên 04 cụm công nghiệp, gồm các cụm: Mỹ Quý (thành phố Long Xuyên), Vĩnh Mỹ (thành phố Châu Đốc), Long Châu (thị xã Tân Châu) và Phú Hòa (huyện Thoại Sơn).

Mở rộng diện tích 05 cụm công nghiệp hiện hữu, gồm các cụm: Bình Đức (thành phố Long Xuyên); Vĩnh Bình (huyện Châu Thành); Tân Trung (huyện Phú Tân); An Phú (huyện An Phú); Lương An Trà (huyện Tri Tôn).

Quy hoạch mới 30 cụm công nghiệp, gồm các cụm: Thành phố Châu Đốc (01 cụm): Vĩnh Tế; Thị xã Tân Châu (04 cụm): Châu Phong, Long Sơn, Vĩnh Xương, Long An; huyện Chợ Mới (05 cụm): Hòa An, Hòa Bình, Long Giang, Nhơn Mỹ, làng nghề Long Điền A; huyện Thoại Sơn (02 cụm): Tân Thành, Vĩnh Trạch; huyện Châu Thành: cụm Hòa Bình Thạnh; huyện Châu Phú (06 cụm): Mỹ Phú, Mỹ Phú 2, Mỹ Phú 3, Bình Mỹ 1, Bình Mỹ 2, Bình Mỹ 3; huyện Phú Tân (03 cụm): Bình Thạnh Đông, Chợ Vàm, Phú Bình; huyện An Phú: CCN Long Bình; huyện Tri Tôn (04 cụm): Lương An Trà 2, Lương An Trà 3, Cô Tô, Núi Tô; huyện Tịnh Biên (03 cụm): An Nông, An Cư, An Phú.

##### 5.4. Khu du lịch

Tập trung phát triển các khu du lịch trọng điểm sau: khu di tích Quốc gia

đặc biệt Khu lưu niệm Chủ tịch Tôn Đức Thắng; khu di tích Quốc gia đặc biệt Óc Eo - Ba Thê; khu du lịch Quốc gia Núi Sam; khu du lịch Núi Cấm; khu du lịch Núi Sập; không gian phát triển du lịch Cù Lao Giêng.

#### 6. Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai

Thời kỳ 2021 - 2030, thực hiện phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện phù hợp, thống nhất và đảm bảo các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2025 và đến năm 2030 được phân bổ trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Phương án phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất: đến năm 2030, tổng diện tích tự nhiên là 353.683 ha, trong đó: đất nông nghiệp khoảng 286.653 ha; đất phi nông nghiệp khoảng 66.579 ha; đất chưa sử dụng khoảng 451 ha.

### **IV. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN**

#### 1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

##### 1.1. Phân vùng bảo vệ môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: (1) khu dân cư tập trung ở đô thị; (2) nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; (3) khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; (4) khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Vùng hạn chế phát thải, gồm: (1) Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; (2) vùng đất ngập nước quan trọng đã được xác định theo quy định của pháp luật; (3) Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; (4) khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị; (5) Khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của UBND cấp tỉnh; (6) Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng bảo vệ môi trường khác, bao gồm: toàn bộ phần diện tích còn lại của tỉnh nằm bên ngoài vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được nêu ở trên.

##### 1.2. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Bảo tồn và phát triển các khu bảo vệ cảnh quan đã được thành lập, gồm: khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư; khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Tân Tuyền.

- Thành lập 03 khu bảo vệ cảnh quan, gồm: khu bảo vệ cảnh quan Núi Cấm, khu bảo vệ cảnh quan cụm núi Thoại Sơn (cụm Núi Sập, Núi Ba Thê, Núi Tượng, Núi Nhỏ), khu bảo vệ cảnh quan Núi Sam.

- Thành lập 02 khu bảo tồn loài - sinh cảnh, gồm: khu bảo tồn loài - sinh

cảnh Búng Bình Thiên; khu bảo tồn loài - sinh cảnh Cô Tô - Túc Dụ - Tà Pạ.

- Chuyển đổi cấp độ và mở rộng từ khu bảo vệ cảnh quan thành khu bảo tồn loài - sinh cảnh, gồm: khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng trà Trà Sư; khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng trà Tri Tôn.

### 1.3. Bảo vệ và phát triển rừng

Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng; hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp.

2. Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên: tiếp tục rà soát, cập nhật, bổ sung các khu vực tiềm năng để bổ sung vào quy hoạch, làm cơ sở quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Quản lý, phân bổ nguồn nước đảm bảo hài hòa, hợp lý giữa các ngành, tổ chức, cá nhân dùng nước, cấp đủ nước cho các ngành kinh tế, ưu tiên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp có giá trị cao; bảo vệ tài nguyên nước không bị ô nhiễm, suy thoái cạn kiệt, bảo vệ chức năng nguồn nước; phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo an ninh lâu dài về tài nguyên nước, góp phần thúc đẩy, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang.

### 4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Xác định các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao trên địa bàn tỉnh, gồm: khu vực dễ bị tổn thương do lũ; khu vực rủi ro do sạt lở đất; khu vực rủi ro do đông lốc, sét; khu vực rủi ro do mưa lớn; khu vực rủi ro do hạn hán; khu vực rủi ro do xâm nhập mặn; khu vực rủi ro do nắng nóng; khu vực rủi ro cháy rừng do tự nhiên.

Từng bước xây dựng nền kinh tế carbon thấp, tăng trưởng xanh, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực ứng phó biến đổi khí hậu của các bên liên quan; tận dụng các cơ hội từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội.

## V. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

### 1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình không huy động được nguồn lực xã hội hóa. Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng kỹ thuật như giao thông, thủy lợi, điện, khu, cụm công nghiệp, đô thị và một số dự án đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội quan trọng khác. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn.

### 2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho các ngành kinh tế, cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, ưu tiên cho các cơ sở kinh tế hoạt động trong các khu, cụm công



nghiệp, khu kinh tế, khu chức năng theo quy hoạch. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Đẩy mạnh liên kết đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài nước.

### 3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường. Chú trọng ưu tiên thu hút dự án đầu tư công nghệ cao, công nghệ sản xuất sạch hơn và thân thiện với môi trường; quan tâm xem xét, bố trí các dự án đầu tư vào khu cụm công nghiệp đảm bảo đúng phân khu chức năng, loại hình sản xuất phù hợp theo Quy hoạch. Phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch đáp ứng yêu cầu phát triển, bảo đảm an ninh năng lượng.

Mở rộng và đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thúc đẩy sản xuất, dịch vụ, tiêu dùng thông minh, du lịch, y tế, giáo dục, thông tin và truyền thông, xây dựng chính quyền điện tử.

### 4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Nghiên cứu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long tại Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 57/NQ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về các nhiệm vụ, giải pháp hoàn thiện thể chế liên kết vùng kinh tế - xã hội.

### 5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Nghiên cứu các mô hình và thực tiễn quản lý phát triển nông thôn và đô thị để nâng cao năng lực quản lý và thực thi của chính quyền, đặc biệt gắn với thích ứng biến đổi khí hậu.

6. Giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước

Tổ chức sắp xếp, kiện toàn các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước: tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

### 7. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau theo quy định của pháp luật, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong triển khai thực hiện. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch theo hướng đồng bộ.

Triển khai xây dựng kế hoạch hành động, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 05 năm, hằng năm. Các cấp, các

ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định./.